



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Auditing & Informatic Services Company Limited

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI -
ĐẦU TƯ LONG BIÊN**

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI -
ĐẦU TƯ LONG BIÊN**

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
3.1 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
3.2 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
3.3 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
3.4 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

1. Thông tin chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên (sau đây được viết tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 5710/QĐ-UB ngày 26/9/2003 của UBND thành phố Hà Nội. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100596869 lần đầu ngày 05/11/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25/6/2015.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 10.900.000.000 đồng (Mười tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn).

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Cơ cấu vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đối tượng góp vốn	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	30,94%
Vốn góp của đối tượng khác	69,06%
Tổng cộng	100,00%

Hoạt động chính của Công ty: Trong năm tài chính 2015, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại tổng hợp: kinh doanh siêu thị; sản xuất, chế biến thực phẩm; cho thuê nhà ở, địa điểm kinh doanh.

Trụ sở chính: Số 561, đường Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên, Tp. Hà Nội.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành phần Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị:

Bà Nguyễn Thùy Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm từ ngày 20/4/2015
Bà Trần Thị Diễm Hương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Miễn nhiệm từ ngày 19/4/2015
Bà Nguyễn Thị Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 20/4/2015
Bà Lê Thị Lan Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 20/4/2015
Ông Vũ Minh Tuấn	Ủy viên	
Ông Đinh Bá Chu	Ủy viên	

Ban Kiểm soát:

Ông Phạm Văn Hậu	Trưởng ban Kiểm soát	
Bà Nguyễn Thị Thiều Hòa	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Kim Nhung	Thành viên	
Bà Nguyễn Kim Ánh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 19/4/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Thành phần Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty (tiếp theo)

Ban Giám đốc:

Ông Vũ Minh Tuấn	Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
Ông Đinh Bá Chu	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Định	Phó Giám đốc

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

5. Cam kết của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2016

Chaymät Ban Giám đốc



Vũ Minh Tuấn
Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 160313/BCKT - AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên, được lập ngày 11/4/2016, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho tại ngày 31/12/2015 vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục bổ sung; tuy nhiên do hạn chế về phạm vi nên chúng tôi cũng không thể khẳng định được tính hiện hữu của các chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính. Cụ thể giá trị các chỉ tiêu gồm: Tiền mặt giá trị 930.358.097 đồng, Hàng tồn kho giá trị 25.351.169.645 đồng.

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu khách hàng và công nợ ứng trước cho người bán, giá trị cần trích lập bổ sung theo ước tính của Kiểm toán viên: 89.187.222 đồng.

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hưng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng : 36 Ha Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng
Representative in Cần Thơ : 5Đ, 30/4 St. - Ninh Kiều Dist - Cần Thơ City
Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thu St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel : (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3782 0048 Email: aishn@hn.vnn.vn
Tel : (0511) 371 5619 Fax : (0511) 371 5620 Email: aiscct@dng.vnn.vn
Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765
Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty chưa ghi nhận đầy đủ khấu hao một số tài sản cố định do không có nhu cầu sử dụng. Chi phí khấu hao ước tính là 56.407.569 đồng.

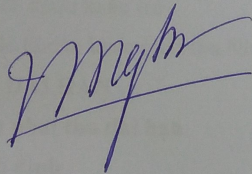
Tổng hợp các ảnh hưởng chi phí dự phòng phải thu khó đòi và chi phí khấu hao tài sản cố định nếu Công ty ghi nhận đầy đủ vào Báo cáo tài chính năm 2015: Trên Bảng cân đối kế toán, khoản mục "Dự phòng các khoản phải thu khó đòi" (Mã số 137) sẽ tăng lên 89.187.222 đồng, khoản mục "Tài sản cố định hữu hình" (Mã số 221) sẽ giảm đi 56.407.569 đồng, khoản mục "Giá trị hao mòn lũy kế" (Mã số 223) sẽ tăng lên 56.407.569 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (Mã số 26) sẽ tăng lên 89.187.222 đồng, khoản mục "Giá vốn hàng bán" (Mã số 11) sẽ tăng lên 56.407.569 đồng và khoản mục "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (Mã số 50) sẽ giảm đi 145.594.791 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" và những ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2016

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Số giấy CNĐKHNKT: 2958-2014-005-1
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN &
DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Phó Giám đốc



Vũ Khánh Linh
Số giấy CNĐKHNKT: 2355-2013-05-1
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.949.794.191	45.177.093.813
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.685.132.688	5.001.882.474
1. Tiền	111	V.1	1.685.132.688	5.001.882.474
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.370.015.644	9.977.923.778
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.251.279.827	919.810.518
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.383.440.340	5.027.176.215
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	0	4.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	0	30.937.045
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	V.3	(264.704.523)	0
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	25.351.169.645	29.135.177.645
1. Hàng tồn kho	141		25.351.169.645	29.135.177.645
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.543.476.214	1.062.109.916
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	1.042.184.252	1.055.813.830
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		501.291.962	4.289.808
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	0	2.006.278
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.009.464.593	4.838.858.356
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		6.307.391.791	4.808.349.224
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	6.306.558.441	4.769.041.143
<i>Nguyên giá</i>	222		31.646.799.617	29.714.446.279
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(25.340.241.176)	(24.945.405.136)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	833.350	39.308.081
<i>Nguyên giá</i>	228		559.865.156	559.865.156
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(559.031.806)	(520.557.075)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	2.594.627.804	0
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.594.627.804	0
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		107.444.998	30.509.132
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	107.444.998	30.509.132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		41.959.258.784	50.015.952.169

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊNĐịa chỉ: Số 561, Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
ĐT: 04.3875 7158 Fax: 04.3875 0729**Mẫu số B 01 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đ

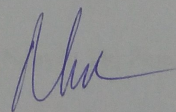
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		23.394.132.334	31.346.633.824
I. Nợ ngắn hạn	310		23.154.869.578	31.224.795.270
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	10.982.307.112	8.775.509.940
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	948.000	88.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	616.802.215	519.521.761
4. Phải trả người lao động	314		1.919.032.976	4.712.003.408
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	408.592.466	283.655.736
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	4.425.501.737	16.480.861.576
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	1.932.961.219	10.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	2.460.000.000	0
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		408.723.853	354.742.849
II. Nợ dài hạn	330		239.262.756	121.838.554
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	50.262.756	58.838.554
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	154.000.000	0
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	35.000.000	63.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.565.126.450	18.669.318.345
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	18.565.126.450	18.669.318.345
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.900.000.000	10.900.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.900.000.000	10.900.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.218.415.947	3.495.162.362
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.446.710.503	4.274.155.983
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		339.991.394	1.381.141.643
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.106.719.109	2.893.014.340
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		41.959.258.784	50.015.952.169

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2016

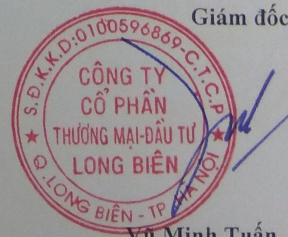
Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Phương



Vũ Minh Tuấn

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

6

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: đ

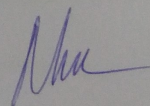
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	216.816.318.986	222.950.028.078
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	47.923	53.209.233
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	216.816.271.063	222.896.818.845
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	178.190.216.227	184.482.376.349
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.626.054.836	38.414.442.496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	315.703.149	681.345.886
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	19.797.931	23.252.700
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.797.931	23.252.700
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	23.944.797.868	28.876.730.404
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	11.575.967.162	6.989.386.795
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.401.195.024	3.206.418.483
11. Thu nhập khác	31	VI.8	598.454.275	548.950.621
12. Chi phí khác	32	VI.9	916	19.874.258
13. Lợi nhuận khác	40		598.453.359	529.076.363
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.999.648.383	3.735.494.846
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	892.929.274	842.480.506
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.106.719.109	2.893.014.340
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	2.850,20	2.654,14
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	2.850,20	2.654,14

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2016

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Phương



Vu Minh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2015

Đơn vị tính: đ

TT	Chi tiêu	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	236.937.703.286	244.532.460.869
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(197.874.647.404)	(216.641.058.021)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(16.005.783.332)	(15.138.186.714)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	(20.113.443)	(19.463.750)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(745.180.506)	(1.672.007.832)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	16.774.705.527	36.799.904.920
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(39.296.838.337)	(34.217.653.033)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(230.154.209)	13.643.996.439
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	(6.506.429.546)	(1.177.293.985)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	22	203.000.000	35.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.500.000.000)	(17.500.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.500.000.000	15.500.000.000
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	323.022.955	647.441.583
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.980.406.591)	(2.494.852.402)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ đi vay	33	8.262.961.219	3.135.000.000
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.368.000.000)	(7.905.000.000)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.001.150.205)	(2.356.471.375)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.106.188.986)	(7.126.471.375)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.316.749.786)	4.022.672.662
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.001.882.474	979.209.812
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.685.132.688	5.001.882.474

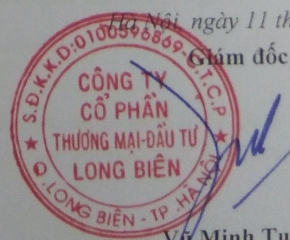
Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Phương

Vũ Minh Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

Địa chỉ: Số 561, Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
Tel: 04.3875 7158 Fax: 04.3875 0729

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên (sau đây được viết tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 5710/QĐ-UB ngày 26/9/2003 của UBND thành phố Hà Nội.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100596869 lần đầu ngày 05/11/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25/6/2015.

Trụ sở: Số 561, Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 10.900.000.000 đồng (Mười tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn).

2- Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm tài chính 2015, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại tổng hợp: kinh doanh siêu thị; sản xuất, chế biến thực phẩm; cho thuê nhà ở, địa điểm kinh doanh.

3- Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến thực phẩm;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Đại lý kinh doanh dịch vụ internet;
- Đại lý, kinh doanh sách giáo khoa, các xuất bản phẩm văn hóa được phép lưu hành;
- Buôn bán rượu, bia, nước giải khát, thuốc là điều (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Đại lý, ký gửi, ủy thác hàng hóa;
- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Đại lý kinh doanh băng đĩa nhạc (trừ các loại băng đĩa nhạc Nhà nước cấm);
- Đầu tư xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất hàng may mặc, hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất chế biến các loại đồ uống có ga, không có ga, bia, rượu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cung cấp dịch vụ du lịch, lữ hành, khách sạn, nhà hàng, đại lý bán vé máy bay, tắm hơi, vật lý trị liệu, vui chơi giải trí, thẩm mỹ;
- Tổ chức, xúc tiến, quản lý các sự kiện: kinh doanh, triển lãm, giới thiệu, hội nghị;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng như: hàng công nghệ phẩm, nông lâm sản, thực phẩm, bách hóa, kim khí điện máy, xăng, dầu, ga, vật liệu chất đốt, hàng vải sợi may mặc, thủ công mỹ nghệ, vật tư thiết bị xây dựng, xe máy, ô tô;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ.

4- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có.

6- Tổng số nhân viên đến ngày 31/12/2015: 272 nhân viên (Ngày 31/12/2014: 298 nhân viên).

7- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng. Một số chỉ tiêu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại như trình bày tại **Thuyết minh số VIII.4** theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

II- NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (đ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 được Bộ Tài chính ban hành.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV- CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng đảm bảo đã được kiểm kê, có đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2- Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Dự phòng phải thu khó đòi được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*", Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

4- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5- Nguyên tắc ghi nhận và tính khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Thời gian sử dụng ước tính</u>
<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>05 - 50 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>05 - 15 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>05 - 10 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>05 - 10 năm</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>Thời hạn tối đa 20 năm</i>

6- Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí sửa chữa tài sản cố định; chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ; chi phí tiền thuê nhà...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

8- Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

10- Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là khoản trích lập quỹ dự phòng tiền lương phải trả cho cán bộ công nhân viên.

11- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 05 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 02 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, các khoản doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, các khoản lãi tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở lãi suất và thời gian vay thực tế trên hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

Địa chỉ: Số 561, Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
Tel: 04.3875 7158 Fax: 04.3875 0729

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (tiếp theo)

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập bất thường ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, các khoản tiền hỗ trợ, tiền thưởng nhận được từ khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu...

14- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

15- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính phát sinh trong năm là Chi phí lãi tiền vay. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

16- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

17- Nguyên tắc ghi nhận lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18- Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), các tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản cho vay ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi quy định tại Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

19- Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20- Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

Địa chỉ: Số 561, Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
 Tel: 04.3875 7158 Fax: 04.3875 0729

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đ

1- Tiền

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tiền mặt tại quỹ	930.358.097	637.419.895
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	754.774.591	4.364.462.579
Cộng	<u>1.685.132.688</u>	<u>5.001.882.474</u>

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Hà Nội	748.967.266	4.344.156.932
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - PGD Sài Đồng	5.807.325	14.075.892
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên	0	1.642.986
Ngân hàng TMCP Quân đội - Quỹ tiết kiệm Gia Lâm	0	4.586.769
Cộng	<u>754.774.591</u>	<u>4.364.462.579</u>

2- Phải thu của khách hàng

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a- Phải thu khách hàng ngắn hạn	1.251.279.827	0	919.810.518	0
Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội	538.570.500	0	249.291.000	0
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thạch Bàn	209.227.001	0	328.844.200	0
Bệnh viện đa khoa Đức Giang	208.611.700	0	0	0
Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và Thương mại Hoàn Mỹ	171.311.000	0	0	0
Khách hàng khác	123.559.626	0	341.675.318	0
Cộng	<u>1.251.279.827</u>	<u>0</u>	<u>919.810.518</u>	<u>0</u>
b- Phải thu khách hàng là bên liên quan	0	0	47.256.785	0
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	0	0	47.256.785	0
Cộng	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>47.256.785</u>	<u>0</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a- Ngắn hạn	3.383.440.340	264.704.523	5.027.176.215	0
Công ty TNHH Thương mại Tín Nghĩa	1.921.546.409	0	2.187.644.985	0
Công ty TNHH Đầu tư thương mại Việt Thăng Long	485.601.600	0	0	0
Công ty TNHH chế biến Lương thực Thực phẩm Thái Dương	0	0	1.105.441.200	0
Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại Thiên Sơn	0	0	963.882.000	0
Các đối tượng khác	976.292.331	264.704.523	770.208.030	0
Cộng	3.383.440.340	264.704.523	5.027.176.215	0

4- Phải thu về cho vay

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a- Ngắn hạn	0	0	4.000.000.000	0
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	0	0	4.000.000.000	0
Cộng	0	0	4.000.000.000	0
b- Phải thu về cho vay là các bên liên quan	0	0	4.000.000.000	0
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	0	0	4.000.000.000	0
Cộng	0	0	4.000.000.000	0

5- Phải thu khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a- Ngắn hạn	0	0	30.937.045	0
Phải thu tiền chi chế độ thai sản	0	0	15.688.400	0
Bảo hiểm xã hội	0	0	48.645	0
Phải thu về ký cược, ký quỹ	0	0	15.200.000	0
Tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng - Sở Công thương Hà Nội	0	0	15.200.000	0
Cộng	0	0	30.937.045	0

6- Nợ xấu

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	264.704.523	0	264.704.523	264.704.523
Công ty Cổ phần Thực phẩm Truyền thống Hapro	101.876.515	0	101.876.515	101.876.515
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phát triển Thủy sản Miền Bắc	162.828.008	0	162.828.008	162.828.008
Cộng	264.704.523	0	264.704.523	264.704.523

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7- Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	173.993.104	0	222.024.912	0
Hàng hóa	25.177.176.541	0	28.913.152.733	0
Cộng	25.351.169.645	0	29.135.177.645	0

8- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đ

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	13.743.023.400	14.336.460.088	1.306.962.735	223.861.874	104.138.182	29.714.446.279
Tăng do mua sắm	0	335.894.653	0	0	0	335.894.653
Tăng do XDCB hoàn thành	3.065.257.273	0	0	0	0	3.065.257.273
Thanh lý, nhượng bán	(756.466.762)	(181.818.182)	(530.513.644)	0	0	(1.468.798.588)
Tại ngày 31/12/2015	16.051.813.911	14.490.536.559	776.449.091	223.861.874	104.138.182	31.646.799.617
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	13.252.569.887	10.278.850.162	1.111.949.353	218.703.793	83.331.941	24.945.405.136
Khấu hao trong năm	365.813.961	1.352.868.267	129.408.180	5.130.404	10.413.816	1.863.634.628
Thanh lý, nhượng bán	(756.466.762)	(181.818.182)	(530.513.644)	0	0	(1.468.798.588)
Tại ngày 31/12/2015	12.861.917.086	11.449.900.247	710.843.889	223.834.197	93.745.757	25.340.241.176
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2015	490.453.513	4.057.609.926	195.013.382	5.158.081	20.806.241	4.769.041.143
Tại ngày 31/12/2015	3.189.896.825	3.040.636.312	65.605.202	27.677	10.392.425	6.306.558.441

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay là: **0 đồng**;

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao tại ngày 31/12/2015 nhưng vẫn còn sử dụng là: **18.317.795.266 đồng**;

Nguyên giá của TSCĐHH chờ thanh lý tại ngày 31/12/2015: **0 đồng**.

9- Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	559.865.156	559.865.156
Tại ngày 31/12/2015	559.865.156	559.865.156
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	520.557.075	520.557.075
Khấu hao trong năm	38.474.731	38.474.731
Tại ngày 31/12/2015	559.031.806	559.031.806
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	39.308.081	39.308.081
Tại ngày 31/12/2015	833.350	833.350

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

Địa chỉ: Số 561, Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
 Tel: 04.3875 7158 Fax: 04.3875 0729

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10- Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí cải tạo, mở rộng Siêu thị Hapromart Sài Đồng	2.594.627.804	0	0	0
Cộng	2.594.627.804	0	0	0

11- Chi phí trả trước

	31/12/2015	01/01/2015
a- Ngắn hạn	1.042.184.252	1.055.813.830
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	548.178.283	850.309.692
Chi phí tiền thuê nhà	56.000.000	0
Chi phí sửa chữa tài sản	438.005.969	205.504.138
b- Dài hạn	107.444.998	30.509.132
Sửa chữa Siêu thị Ngõ Gia Tự	107.444.998	0
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ (giá trị còn lại của TSCĐ không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá theo Thông tư 45/2013/TT - BTC)	0	22.109.132
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ khác	0	8.400.000
Cộng	1.149.629.250	1.086.322.962

12- Phải trả người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	10.982.307.112	10.982.307.112	8.775.509.940	8.775.509.940
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng & Thương mại Minh Tùng	768.967.760	768.967.760	181.141.400	181.141.400
Công ty TNHH SX Thương mại Hoàng Việt Mỹ	321.633.600	321.633.600	187.334.000	187.334.000
CN Doanh nghiệp TNSX và KDTM Thành Phong tại Thái Bình	310.774.750	310.774.750	0	0
Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Tuấn Kiệt	190.450.401	190.450.401	0	0
Các đối tượng khác	9.390.480.601	9.390.480.601	8.407.034.540	8.407.034.540
Cộng	10.982.307.112	10.982.307.112	8.775.509.940	8.775.509.940

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

Địa chỉ: Số 561, Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
 Tel: 04.3875 7158 Fax: 04.3875 0729

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13- Người mua trả tiền trước

	31/12/2015	01/01/2015
a- Ngắn hạn	948.000	88.500.000
Trường Trung học phổ thông Yên Viên	928.000	0
Công ty TNHH MTV Kinh doanh may mặc Anh Đức	20.000	0
Nguyễn Thị Thu Dung	0	54.000.000
Nguyễn Thị Cẩm Hồng	0	34.500.000
Cộng	948.000	88.500.000

14- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp thực trong năm	31/12/2015
a- Phải nộp	519.521.761	24.994.597.498	24.897.317.044	616.802.215
Thuế Giá trị gia tăng	0	21.180.252.998	21.180.252.998	0
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	465.180.506	892.929.274	745.180.506	612.929.274
Thuế Thu nhập cá nhân	0	128.524.543	124.651.602	3.872.941
Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	54.341.255	2.780.890.683	2.835.231.938	0
Thuế môn bài	0	12.000.000	12.000.000	0
Cộng	519.521.761	24.994.597.498	24.897.317.044	616.802.215
b- Phải thu	2.006.278	2.006.278	0	0
Thuế Thu nhập cá nhân nộp thừa	2.006.278	2.006.278	0	0
Cộng	2.006.278	2.006.278	0	0

15- Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2015	01/01/2015
a- Ngắn hạn	408.592.466	283.655.736
Doanh thu cho thuê nhà trả trước	408.592.466	283.655.736
b- Dài hạn	50.262.756	58.838.554
Doanh thu cho thuê nhà trả trước	50.262.756	58.838.554
Cộng	458.855.222	342.494.290

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

Địa chỉ: Số 561, Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội

Tel: 04.3875 7158

Fax: 04.3875 0729

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16- Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2015	01/01/2015
a- Ngắn hạn	4.425.501.737	16.480.861.576
Kinh phí công đoàn	123.576.899	122.794.069
Phải trả Bảo hiểm xã hội	1.207.621	0
Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền tạm ứng mua hàng hóa dự trữ phục vụ bình ổn giá	4.200.000.000	16.000.000.000
Cổ tức phải trả	48.026.170	40.776.375
Lãi vay phải trả	7.202.071	7.517.583
Phải trả về cổ phần hóa cho Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	0	231.300.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	45.488.976	78.473.549
Cộng	4.425.501.737	16.480.861.576
b- Dài hạn	154.000.000	0
Phải trả tiền nhận ký cược, ký quỹ đảm bảo thực hiện hợp đồng Công ty TNHH MTV Kinh doanh may mặc Anh Đức	154.000.000	0
Nguyễn Thị Thu Dung	100.000.000	0
	54.000.000	0
Cộng	154.000.000	0

17- Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a- Vay ngắn hạn	1.932.961.219	1.932.961.219	8.227.961.219	6.325.000.000	10.000.000	10.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>1.907.961.219</i>	<i>1.907.961.219</i>	<i>8.207.961.219</i>	<i>6.300.000.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (*)	1.907.961.219	1.907.961.219	8.207.961.219	6.300.000.000	0	0
<i>Vay ngắn hạn cá nhân</i>	<i>25.000.000</i>	<i>25.000.000</i>	<i>20.000.000</i>	<i>25.000.000</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
Vay cá nhân có thời hạn 12 tháng (**)	5.000.000	5.000.000	0	5.000.000	10.000.000	10.000.000
Vay cá nhân có thời hạn gốc 18 tháng (**)	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	0	0
b- Vay dài hạn	35.000.000	35.000.000	35.000.000	63.000.000	63.000.000	63.000.000
<i>Vay dài hạn cá nhân</i>	<i>35.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>63.000.000</i>	<i>63.000.000</i>	<i>63.000.000</i>
Vay cá nhân có thời hạn 18 tháng (**)	35.000.000	35.000.000	35.000.000	63.000.000	63.000.000	63.000.000
Cộng	1.967.961.219	1.967.961.219	8.262.961.219	6.388.000.000	73.000.000	73.000.000

(*) Chi tiết khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Số hợp đồng	Giấy nhận nợ	Ngày vay	Ngày trả nợ	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
248A/2015- HỆTDHM/NHCT129 -CTĐTLONGBIEN	Giấy nhận nợ số 1	23/12/2015	20/01/2016	6,20%	1.041.491.349	Vay tín chấp
	Giấy nhận nợ số 2	25/12/2015	22/01/2016	6,20%	866.469.870	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

Địa chỉ: Số 561, Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
Tel: 04.3875 7158 Fax: 04.3875 0729

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17- Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(**) Chi tiết các khoản vay cá nhân

TT	Đối tượng	Số hợp đồng/Số khế ước	Ngày phát sinh	LS tại thời điểm ký HĐ (%/năm)	Dư vay tại 31/12/2015 (đ)
Vay ngắn hạn					25.000.000
1.	Nguyễn Thị Kế	Khế ước số 40	12/03/2012	14,00%	5.000.000
2.	Nguyễn Thị Thu Hoài	56a/HĐVV/2014	14/05/2014	8,00%	5.000.000
3.	Hoàng Thị Thu Huyền	62/2015/HĐVV	31/01/2015	8,00%	5.000.000
4.	Bùi Thúy Phương	72/HĐVV/2015	10/04/2015	7,00%	5.000.000
5.	Nguyễn Trà Giang	67/2015/HĐVV	09/06/2015	6,00%	5.000.000
Vay dài hạn					35.000.000
1.	Nguyễn Thị Hạnh	60/HĐVV/2014	06/10/2014	8,00%	5.000.000
2.	Vũ Thị Thu Trang	59/HĐVV/2014	15/09/2014	8,00%	5.000.000
3.	Thiều Thị Thanh	68/2015/HĐVV	04/08/2015	6,00%	5.000.000
4.	Nguyễn Ngọc Huyền	69/2015/HĐVV	24/09/2015	6,00%	5.000.000
5.	Phạm Thị Thanh	70/2015/HĐVV	05/10/2015	6,00%	5.000.000
6.	Tạ Thị Nhài	71/HĐVV/2015	08/12/2015	6,00%	5.000.000
7.	Phùng Thị Ngọc Huyền	72/2015/HĐVV	31/12/2015	6,00%	5.000.000
Tổng cộng					60.000.000

18- Dự phòng phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
a- Ngắn hạn	2.460.000.000	0
Dự phòng tiền lương phải trả	2.460.000.000	0
Cộng	2.460.000.000	0

19- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	10.900.000.000	2.308.081.554	5.363.926.091	18.572.007.645
Lãi trong năm trước	0	0	2.893.014.340	2.893.014.340
Phân phối lợi nhuận	0	1.187.080.808	(3.892.842.500)	(2.705.761.692)
Giảm khác	0	0	(89.941.948)	(89.941.948)
Số dư cuối năm trước,	10.900.000.000	3.495.162.362	4.274.155.983	18.669.318.345
Số dư đầu năm nay	0	0	3.106.719.109	3.106.719.109
Lãi trong năm nay	0	723.253.585	(3.934.164.589)	(3.210.911.004)
Phân phối lợi nhuận (*)	0	0	0	0
Số dư cuối năm nay	10.900.000.000	4.218.415.947	3.446.710.503	18.565.126.450

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

Địa chỉ: Số 561, Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội

Tel: 04.3875 7158

Fax: 04.3875 0729

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19- Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 20/4/2015, cụ thể:

- Quỹ đầu tư phát triển	723.253.585 đồng;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	202.511.004 đồng;
- Chia cổ tức	1.635.000.000 đồng.

Chia cổ tức bổ sung từ lợi nhuận năm 2010 - 2013 chưa có sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông:
1.373.400.000 đồng.**b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Vốn góp của Nhà nước	3.372.460.000	6.914.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	7.527.540.000	3.986.000.000
Cộng	<u>10.900.000.000</u>	<u>10.900.000.000</u>

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	10.900.000.000	10.900.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	0	0
+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	0	0
+ <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	10.900.000.000	10.900.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	3.008.400.000	2.398.000.000

d- Cổ phiếu

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>CP</u>	<u>CP</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.090.000	1.090.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.090.000	1.090.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.090.000	1.090.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.090.000	1.090.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.090.000	1.090.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cổ phiếu.

e- Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Quỹ đầu tư phát triển	4.218.415.947	3.495.162.362
Cộng	<u>4.218.415.947</u>	<u>3.495.162.362</u>

Mục đích trích lập và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

Địa chỉ: Số 561, Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
 Tel: 04.3875 7158 Fax: 04.3875 0729

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đ

1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán hàng	211.547.406.320	218.154.144.649
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.268.912.666	4.795.883.429
Cộng	216.816.318.986	222.950.028.078

2- Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Hàng bán bị trả lại	47.923	46.100.586
Chiết khấu thương mại	0	7.108.647
Cộng	47.923	53.209.233

3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu thuần bán hàng	211.547.358.397	218.100.935.416
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	5.268.912.666	4.795.883.429
Cộng	216.816.271.063	222.896.818.845

4- Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn hàng bán trong kỳ	178.190.216.227	184.482.376.349
Cộng	178.190.216.227	184.482.376.349

5- Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	275.766.170	626.820.605
Doanh thu hoạt động tài chính khác: chiết khấu thanh toán được hưởng ...	39.936.979	54.525.281
Cộng	315.703.149	681.345.886

6- Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền vay	19.797.931	23.252.700
Cộng	19.797.931	23.252.700

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

Địa chỉ: Số 561, Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội

Tel: 04.3875 7158

Fax: 04.3875 0729

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2015	Năm 2014
a- Chi phí bán hàng	23.944.797.868	28.876.730.404
Chi phí nhân viên	11.238.870.365	18.866.349.458
Chi phí vật liệu, bao bì	152.445.632	139.800.551
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.390.326.341	1.386.427.001
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.305.212.025	1.681.154.858
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.832.852.588	6.786.653.536
Chi phí bằng tiền khác	25.090.917	16.345.000
Cộng	23.944.797.868	28.876.730.404
b- Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.575.967.162	6.989.386.795
Chi phí nhân viên quản lý	5.531.385.785	3.168.068.314
Chi phí vật liệu quản lý	72.189.444	104.541.846
Chi phí đồ dùng văn phòng	449.514.052	488.103.261
Chi phí khấu hao TSCĐ	352.782.715	205.351.815
Thuế, phí và lệ phí	1.691.939.821	1.215.858.787
Chi phí dự phòng	264.704.523	0
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.814.730.078	1.501.937.972
Chi phí bằng tiền khác	1.398.720.744	305.524.800
Cộng	11.575.967.162	6.989.386.795

8- Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	187.245.454	39.090.909
Tiền hỗ trợ, tiền thưởng nhận được từ khách hàng	411.208.821	509.859.712
Cộng	598.454.275	548.950.621

9- Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền phạt vi phạm hành chính	0	19.862.000
Chi phí khác	916	12.258
Cộng	916	19.874.258

10- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.104.593.109	3.484.756.750
Chi phí nhân công	16.956.509.419	22.305.272.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.902.109.359	2.211.690.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.418.469.190	6.315.569.968
Chi phí khác bằng tiền	5.854.342.787	3.621.693.218
Cộng	37.236.023.864	37.938.982.072

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.999.648.383	3.735.494.846
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	59.121.045	93.962.000
Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất kinh doanh	55.200.000	50.600.000
Các khoản phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	3.921.045	19.862.000
Tiền phạt chậm nộp tiền thuế đất	3.921.045	0
Phạt vi phạm hành chính về phòng cháy chữa cháy	0	19.862.000
Các khoản chi phí không được trừ khác	0	23.500.000
Chi nộp quỹ từ thiện và phát triển cộng đồng năm 2014	0	5.000.000
Chi phí Đại hội cổ đông thường niên năm 2013	0	18.500.000
Tổng lợi nhuận tính thuế	4.058.769.428	3.829.456.846
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	892.929.274	842.480.506
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	892.929.274	842.480.506

12- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (*)	3.106.719.109	2.893.014.340
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.106.719.109	2.893.014.340
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.090.000	1.090.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.850,20	2.654,14

13- Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	3.106.719.109	2.893.014.340
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	3.106.719.109	2.893.014.340
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.090.000	1.090.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân sẽ được qui đổi	0	0
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	1.090.000	1.090.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.850,20	2.654,14

(*) Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN chưa loại trừ khoản trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi do doanh nghiệp chưa tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2015.

14- Công cụ tài chính

Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14- Công cụ tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 và ngày 01/01/2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Bảng Cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2015 và ngày 01/01/2015.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện:

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2015		
Đồng	+100	(2.828.285)
Đồng	-100	2.828.285
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2014		
Đồng	+100	49.288.825
Đồng	-100	(49.288.825)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14- Công cụ tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>Đơn vị tính: đ</i>		
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2015			
Các khoản vay và nợ	1.932.961.219	35.000.000	1.967.961.219
Phải trả người bán	10.982.307.112	0	10.982.307.112
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.252.691.047	0	4.252.691.047
Cộng	17.167.959.378	35.000.000	17.202.959.378
Tại ngày 01/01/2015			
Các khoản vay và nợ	10.000.000	63.000.000	73.000.000
Phải trả người bán	8.775.509.940	0	8.775.509.940
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.085.991.132	0	16.085.991.132
Cộng	24.871.501.072	63.000.000	24.934.501.072

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15- Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty :

Đơn vị tính: đ

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2015		01/01/2015		31/12/2015	01/01/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.685.132.688	0	5.001.882.474	0	1.685.132.688	5.001.882.474
Phải thu khách hàng	1.251.279.827	0	919.810.518	0	1.251.279.827	919.810.518
Phải thu về cho vay	0	0	4.000.000.000	0	0	4.000.000.000
Phải thu khác	0	0	15.688.400	0	0	15.688.400
TỔNG CỘNG	2.936.412.515	0	9.937.381.392	0	2.936.412.515	9.937.381.392
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	1.967.961.219	0	73.000.000	0	1.967.961.219	73.000.000
Phải trả người bán	10.982.307.112	0	8.775.509.940	0	10.982.307.112	8.775.509.940
Phải trả khác	4.252.691.047	0	16.085.991.132	0	4.252.691.047	16.085.991.132
TỔNG CỘNG	17.202.959.378	0	24.934.501.072	0	17.202.959.378	24.934.501.072

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2015 và 31/12/2014. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ báo cáo.

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO NHỮNG KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Đơn vị tính: đ

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền thu từ đi vay theo kế ước vay ngân hàng	8.207.961.219	4.205.000.000
Tiền thu từ đi vay theo kế ước vay cá nhân	55.000.000	45.000.000

2- Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền trả nợ gốc theo kế ước vay ngân hàng	6.300.000.000	4.205.000.000
Tiền trả nợ gốc theo kế ước vay cá nhân	68.000.000	1.115.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 mà chưa được trình bày trong báo cáo này.

2- Giao dịch với bên liên quan

- Tổng tiền lương và thưởng của Ban Giám đốc phát sinh trong năm 2015 là **1.784.038.648 đồng**.
- Tổng Công ty Thương mại Hà Nội là Công ty nắm giữ cổ phần chi phối chiếm 30,94% vốn điều lệ của Công ty.

Các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với Tổng Công ty Thương mại Hà Nội trong năm tài chính gồm: Mua bán hàng hóa, cho vay vốn...

Giá trị giao dịch cụ thể như sau:

<i>Đơn vị tính: đ</i>					
STT	Nội dung	Đầu kỳ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Cuối kỳ
1.	Bán hàng hóa	0	7.244.500	7.244.500	0
2.	Mua hàng hóa	0	39.518.089	39.518.089	0
3.	Lãi cho vay vốn	47.256.785	111.311.181	158.567.966	0
4.	Cho vay vốn	4.000.000.000	30.000.000.000	34.000.000.000	0
5.	Tạm ứng mua hàng hóa dự trừ phục vụ bình ổn giá	16.000.000.000	10.577.114.000	22.377.114.000	4.200.000.000
6.	Phải trả về cổ phần hóa	231.300.000	17.500.000	248.800.000	0
7.	Cho vay vốn	4.000.000.000	4.500.000.000	8.500.000.000	0

3- Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại tổng hợp, dịch vụ,... Công ty không có chi nhánh nào nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý; đồng thời doanh thu từ bán hàng chiếm tỉ trọng lớn (>) 97% tổng doanh thu nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2015 trên Bảng Cân đối kế toán và số liệu so sánh năm 2014 trên Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC).

Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

Địa chỉ: Số 561, Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
Tel: 04.3875 7158 Fax: 04.3875 0729

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4- Thông tin so sánh (tiếp theo)

Đơn vị tính: đ

Trên Bảng cân đối kế toán

Số đã báo cáo tại ngày 01/01/2015			Số trình bày lại tại ngày 01/01/2015		
Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
Đầu tư ngắn hạn	121	4.000.000.000	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.000.000.000
Các khoản phải thu khác	135	15.737.045	Phải thu ngắn hạn khác	136	30.937.045
Tài sản ngắn hạn khác	158	15.200.000	Quỹ đầu tư phát triển	418	3.495.162.362
Quỹ đầu tư phát triển	417	2.964.712.944	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	283.655.736
Quỹ dự phòng tài chính	418	530.449.418	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	58.838.554
Doanh thu chưa thực hiện	338	342.494.290			

5- Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Phương



Vũ Minh Tuấn